

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày 26-5-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thuồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc và bà Doãn Thị Lệ.

-Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 237/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1974; có địa chỉ cư trú tại: Số nhà 19, đường C, tổ 4, phường Th, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hồng Th, sinh năm 1978; có địa chỉ cư trú tại: Số nhà 39, đường A, tổ 3, phường Th, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019, bản tự khai đề ngày 12/6/2019 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng của vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị S trình bày:

Bà S có thân quen với bà Võ Thị Hồng Th, người thường xuyên đứng ra tổ chức xổ hụi. Vì vậy, bà S cùng với nhiều người khác đã tham gia chơi hụi do bà Th làm chủ hụi. Tổng số tiền hụi bà S đã góp cho bà Th (chỉ tính tiền gốc, không tính lãi) là: 571.970.000 đồng.

Ngoài số tiền đã góp hụi, bà S còn cho bà Th vay số tiền qua 06 lần vay, tổng cộng là: 373.000.000 đồng (chỉ tính tiền gốc, không tính lãi). Tổng số tiền bà S đã góp hụi và cho bà Th vay là: 944.970.000 đồng.

Tuy nhiên, đến tháng 10/2018, bà Th tuyên bố với mọi người tham gia chơi hụi là bà Th đã vỡ nợ và không có khả năng trả tiền cho mọi người. Từ đó, bà S đến nhà bà Th nhiều lần yêu cầu bà Th trả lại số tiền gốc, nhưng bà S vẫn không trả, mà cứ hẹn tháng này qua tháng khác, cho dù tài sản của bà Th còn rất nhiều.

Bà S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị Hồng Th phải trả số tiền 944.970.000 đồng cho bà S.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2019, bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th trình bày: Bà Th có quen biết với bà S từ năm 2011 cho đến nay, bà Th có làm ăn qua lại với bà S là tiền hụi và tiền vay nóng do bà S cho bà Th vay, nhưng bà Th đã trả hết cho bà S, không còn nợ như những tờ giấy bà Th ghi nợ trên là món vay ba mươi triệu và bốn mươi triệu, bà Th phải trả lãi suất cao, nhưng bà S đã cộng hai khoản lại là bảy mươi triệu và cộng cả tiền lãi vào buộc bà Th phải đóng lãi một ngày một triệu đồng trong vòng 03 tháng; tổng số tiền bà Th đã trả lãi là 90.000.000 đồng. Trong thời gian 03 tháng đó, bà Th đã trả hết nợ cho bà S.

Sau khi bà Th nộp bản tự khai, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Th đến Tòa án để lấy lời khai, đối chất, họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Th không đến Tòa án. Theo yêu cầu của bà S, ngày 02/3/2020, Tòa án làm văn bản yêu cầu Công an phường Th triệu tập bà Th đến Công an phường Th để Tòa án lấy lời khai, nhưng bà Th vẫn không đến Công an phường Th.

Trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, bà Võ Thị Hồng Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà Th đã trả hết số tiền nợ hụi và nợ vay cho bà S.

Ngày 19/3/2020, nguyên đơn bà Lê Thị S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng là: 826.970.000 đồng, do không có chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị S vẫn thống nhất với đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên, và tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th phải trả cho bà Lê Thị S số tiền đã vay theo 03 tờ giấy vay tiền là: 118.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu trả lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; bị đơn bà Võ Thị Hồng Th có địa chỉ cư trú tại thành phố P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo lãnh thổ và cấp xét xử.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Võ Thị Hồng Th phải trả cho bà Lê Thị S số tiền 118.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất nên không xét đến. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên buộc bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà Th không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào các Điều: 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th.

[2] Ngày 19/3/2020, nguyên đơn bà Lê Thị S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui và nợ vay tổng cộng là: 826.970.000 đồng, do không có chứng cứ chứng minh. Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ tiền đã vay theo 03 Giấy vay tiền. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[4] Bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th có địa chỉ cư trú tại thành phố P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chứng cứ gốc do bà Lê Thị S cung cấp là 03 “Giấy vay tiền”, do người vay tiền là bà Võ Thị Hồng Th viết theo mẫu và đã ký tên người vay tiền. Trong 03 Giấy vay tiền, có 02 Giấy do bà S đã tự sửa chữa ngày tháng năm vay tiền từ ngày âm lịch sang ngày dương lịch, nhưng các nội dung khác không bị sửa chữa. Sau khi xem xét các dấu vết sửa chữa trên chứng cứ gốc, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với bà S về việc sửa chữa đó, thì bà S đã trình bày: Lý do sửa chữa ngày tháng năm trong 02 giấy vay tiền, là nhằm mục đích sửa từ ngày âm lịch sang ngày dương lịch

cho phù hợp, chứ không phải là làm sai lệch nội dung, và cũng không phải là giả mạo chứng cứ.

Về phía bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, đã có bản tự khai. Ngày 13/5/2020, Tòa án đã giao bản sao 03 giấy vay tiền cho bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th (theo đơn yêu cầu của bà Th), nhưng bà Th không có ý kiến bằng văn bản để thể hiện sự phản bác đối với 03 giấy vay tiền nêu trên.

[6] Trong Giấy vay tiền đề ngày 26/01/2017 âm lịch có ghi số tiền vay là 48.000.000 đồng, nhưng không ghi thời hạn vay và lãi suất vay; Giấy vay tiền đề ngày 20/9/2017 (đã bị sửa chữa ngày tháng năm) có ghi số tiền vay là 40.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất vay, nhưng có thời hạn vay là 03 tháng; Giấy vay tiền đề ngày 01/06/2017 (đã bị sửa chữa ngày và năm) có ghi số tiền vay là 30.000.000 đồng, ghi lãi suất thỏa thuận nhưng không có mức lãi suất cụ thể, không thống nhất thời hạn trả mà chỉ ghi: “*Khi nào chị S cần sẽ hoàn trả*”. Vì vậy, hợp đồng vay tài sản nêu trên là hợp đồng vay không có kỳ hạn không có lãi, và hợp đồng vay có kỳ hạn không có lãi.

[7] Khi xác lập hợp đồng vay tiền, bà S và bà Th có năng lực pháp luật dân sự, tham gia giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng vay tiền giữa bà S và bà Th có hiệu lực.

[8] Bà Th cho rằng Bà đã trả hết số tiền vay cho bà S, nhưng bà Th không nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh việc bà Th đã trả nợ tiền cho bà S. Trong quá trình tố tụng vụ án, bà Th không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án để tham gia đối chất nhằm chứng minh việc bà Th không còn nợ tiền bà S. Bà Th không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, chữ ký trong 03 giấy vay tiền. Như vậy, bà Th đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[9] Trước khi khởi kiện, bà S đã thông báo trước cho bà Th về thời gian trả nợ và nhiều lần đến nhà yêu cầu bà Th trả nợ tiền, nhưng đến nay bà Th chưa trả. Vì vậy, bà S được quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả nợ số tiền đã vay, theo quy định tại các Điều: 469, 470 của Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định tại các luận điểm [5] đến [9] nêu trên đã đủ căn cứ khẳng định: Từ ngày 26 tháng 01 năm 2017 âm lịch đến ngày 20/9/2017, bà Võ Thị Hồng Th đã 03 lần vay tiền của bà Lê Thị S, với tổng số tiền vay là: 118.000.000 đồng, nhưng đến nay chưa trả. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[10] Trong bản tự khai, bà Th cho rằng: Hằng tháng bà phải trả lãi cho bà S, mỗi ngày 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bà Th ra thì không có chứng cứ nào chứng minh cho việc bà Th đã trả cho bà S số tiền lãi nêu trên và không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết về mức lãi đó. Vì vậy, Tòa án không có căn cứ để giải quyết hành vi cho vay lãi nặng như bà Th đã khai.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất của số tiền phải trả nợ nên không xét đến.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 235, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị S, về yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Hồng Th phải trả số tiền nợ hui và tiền nợ vay là: 826.970.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị S.

3. Buộc bà Võ Thị Hồng Th phải trả số tiền 118.000.000 (bằng chữ: Một trăm mười tám triệu) đồng cho bà Lê Thị S.

4. Nghĩa vụ chịu lãi do chậm thanh toán: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn là bà Võ Thị Hồng Th phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 5.900.000 (bằng chữ: Năm triệu chín trăm nghìn) đồng.

Bà Lê Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Lê Thị S số tiền 20.175.000 (bằng chữ: Hai mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo theo Biên lai số 0001694 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

6. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Báo cho: Bà Lê Thị S được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (26-5-2020). Bà Võ Thị Hồng Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường